

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/6/2021

## **CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

*Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt  
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh*

## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
<i>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</i>	
3. Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	7 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021	10
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021	11 - 32

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận (sau đây viết tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 của Công ty.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp, Mã số doanh nghiệp 4500140073, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 5 năm 2021.

**Vốn điều lệ** : 1.729.907.238.845 Đồng

**Chủ sở hữu** : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận

**Lĩnh vực hoạt động kinh doanh** : Hoạt động thủy lợi công ích và ngoài công ích

### **Trụ sở chính**

**Địa chỉ** : Số 144 Đường 21/8, Phường Phước Mỹ, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

**Điện thoại** : (0259) 3823 338

**Fax** : (0259) 3825 500

**Mã số DN** : 4500140073

### **CHỦ TỊCH CÔNG TY, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Công ty, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

#### **Chủ tịch Công ty**

Ông Nguyễn Công Xung

#### **Ban Kiểm soát**

1. Ông Đỗ Ngọc Thoại                      Kiểm soát viên chuyên trách
2. Bà Trần Thị Phước Tuyền              Kiểm soát viên không chuyên trách

# **CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

---

## **Ban Giám đốc**

1. Ông Lê Phạm Hòa Bình Phó Giám đốc phụ trách
2. Ông Hoàng Văn Hùng Phó Giám đốc

## **Người đại diện theo pháp luật của công ty**

1. Ông Hoàng Văn Hùng từ ngày 12/11/2020 đến ngày 01/5/2021
2. Ông Lê Phạm Hòa Bình (\*) từ ngày 01/05/2021 đến nay

(\*) Ông Lê Phạm Hòa Bình được phân công phụ trách điều hành hoạt động công ty, là người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi kiện toàn chức danh Giám đốc Công ty theo quy định kể từ ngày 01/5/2021 theo Quyết định số 64/QĐ-CTKTTL ngày 23/4/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận về việc “*Phân công phụ trách điều hành hoạt động Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận*”.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TP HCM thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 của Công ty.

## **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 32.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- \* Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- \* Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- \* Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- \* Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

- \* Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ cũng như các Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty



TP. Phan Rang – Tháp Chàm, ngày 16 tháng 7 năm 2021

**Phó Giám đốc phụ trách – Lê Phạm Hòa Bình**

*(Người đại diện theo pháp luật theo Quyết định số 64/QĐ-CTKTTL ngày 23/4/2021 của Chủ tịch Công ty)*

Số: 2106.01.01/2021/BCTC-NTV.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI: CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC****CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận, được lập ngày 16 tháng 7 tháng 2021, từ trang 07 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính

thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Các chỉ tiêu Phải trả người lao động và Chi phí tiền lương trong kỳ được ghi nhận trên cơ sở tạm trích theo đơn giá tiền lương kế hoạch, do Công ty chưa có đủ thông tin để xác định được các yếu tố năng suất lao động bình quân và yếu tố lợi nhuận trong năm để xác định quỹ tiền lương thực hiện cho năm 2021.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan vì vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận.

Báo cáo tài chính đính kèm đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2021, Công ty chưa được quyết toán doanh thu dịch vụ công ích thủy lợi. Các chỉ tiêu doanh thu, người mua trả tiền trước ngắn hạn tương ứng trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này là số tạm tính (Thuyết minh VII.2).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2021

**Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt**

**Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**



**Phó Giám đốc – Huỳnh Hữu Phước**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*

Số: 1762-2018-124-1

**Kiểm toán viên – Lê Ân Thoa**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*

Số: 4705-2019-124-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2021	Ngày 01/01/2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>42.237.487.385</b>	<b>38.603.166.957</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>28.356.455.028</b>	<b>30.529.597.673</b>
111	1. Tiền	V.1	1.356.455.028	5.529.597.673
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	27.000.000.000	25.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>12.301.917.744</b>	<b>7.202.555.655</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	809.433.000	3.919.335.200
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	11.471.684.744	3.061.425.308
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	20.800.000	221.795.147
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>113.179.976</b>	<b>120.679.976</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.6	113.179.976	120.679.976
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.465.934.637</b>	<b>750.333.653</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	15.673.001	61.790.701
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.8	1.450.261.636	688.542.952
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.330.074.126.122</b>	<b>2.269.166.593.459</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.9	50.000.000	50.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.329.571.167.667</b>	<b>2.268.656.001.865</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	2.329.571.167.667	2.268.656.001.865
222	- Nguyên giá		2.395.725.065.752	2.334.133.679.078
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(66.153.898.085)	(65.477.677.213)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	<b>108.714.246</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	-	108.714.246
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>452.958.455</b>	<b>351.877.348</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	452.958.455	351.877.348
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.372.311.613.507</b>	<b>2.307.769.760.416</b>

82  
TY  
TÀI  
VH/  
ANH  
TH  
HC



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2021	Ngày 01/01/2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>25.114.677.725</b>	<b>22.184.555.217</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>25.114.677.725</b>	<b>22.184.555.217</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	4.833.075.839	17.629.594.228
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	13.624.734.719	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	179.409.671	247.927.676
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	7.011.549.827	1.871.207.332
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	85.483.800	394.677.219
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.18	(619.576.131)	2.041.148.762
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
<b>400</b>	<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	V.19	<b>2.347.196.935.782</b>	<b>2.285.585.205.199</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>2.344.679.533.767</b>	<b>2.283.092.290.392</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.19.1	2.331.911.694.740	2.272.026.317.216
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	V.19.2	6.384.010.335	6.384.010.335
421	3. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.19.3	6.352.557.620	4.650.691.769
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4.650.691.769	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.701.865.851	4.650.691.769
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	V.19.4	31.271.072	31.271.072
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		<b>2.517.402.015</b>	<b>2.492.914.807</b>
431	1. Nguồn kinh phí	V.19.5	2.517.402.015	2.492.914.807
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.372.311.613.507</b>	<b>2.307.769.760.416</b>

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 16 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc phụ trách

Người đại diện theo pháp luật (\*)





Lê Phạm Hòa Bình

Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước

(\*) theo Quyết định số 64/QĐ-CTKTTL ngày 23/4/2021 của Chủ tịch Công ty

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.20	33.861.335.902	32.389.418.597
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.861.335.902	32.389.418.597
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.21	29.684.224.347	28.714.419.338
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.177.111.555	3.674.999.259
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.22	465.341.687	894.829.966
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.23	3.028.404.478	2.909.531.184
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.614.048.764	1.660.298.041
31	11. Thu nhập khác	VI.24	305.850.387	9.063.973
32	12. Chi phí khác		-	153.466.745
40	13. Lợi nhuận khác		305.850.387	(144.402.772)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.919.899.151	1.515.895.269
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.25	218.033.300	193.756.116
60	16. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		1.701.865.851	1.322.139.153

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 16 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc phụ trách  
Người đại diện theo pháp luật (\*)

Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước



Lê Phạm Hòa Bình

(\*) theo Quyết định số 64/QĐ-CTKTTL ngày 23/4/2021 của Chủ tịch Công ty

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		51.010.001.232	49.938.180.652
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(33.887.123.034)	(14.162.197.661)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(10.578.249.292)	(15.893.615.952)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(304.844.753)	(1.129.211.067)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		690.588.142	1.356.559.644
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.688.187.249)	(6.873.100.757)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(757.814.954)</b>	<b>13.236.614.859</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.267.754.310)	(47.500.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		552.426.619	1.027.397.091
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(715.327.691)</b>	<b>979.897.091</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.15	(700.000.000)	(7.372.402.942)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(700.000.000)</b>	<b>(7.372.402.942)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(2.173.142.645)</b>	<b>6.844.109.008</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	V.1	<b>30.529.597.673</b>	<b>49.626.578.843</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>28.356.455.028</b>	<b>56.470.687.851</b>

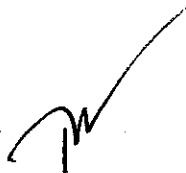
Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 16 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc phụ trách

Người đại diện theo pháp luật (\*)






Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước

Lê Phạm Hòa Bình

(\*) theo Quyết định số 64/QĐ-CTKTTL ngày 23/4/2021 của Chủ tịch Công ty

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty").

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH Một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

**Lĩnh vực hoạt động** : Dịch vụ công ích, ngoài công ích

**Ngành nghề kinh doanh** :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh như sau:

**\* Ngành nghề kinh doanh chính (hoạt động công ích):**

Quản lý, khai thác, vận hành các hệ thống công trình thủy lợi phục vụ hoạt động tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và dân sinh kinh tế.

**\* Ngành nghề kinh doanh có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính:**

- Khai thác, cung cấp nước cho sản xuất nước sinh hoạt, công nghiệp cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu; cung cấp cho các tổ chức và cá nhân sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (khảo sát, thiết kế, giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi; khảo sát, thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu; tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán công trình.)

### **Cấu trúc Công ty**

Công ty là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoạt động theo mô hình Chủ tịch Công ty.

Cơ cấu tổ chức Công ty gồm có Chủ tịch công ty, Ban giám đốc, Kiểm soát viên chuyên trách và Kiểm soát viên không chuyên trách; 01 bộ phận khối văn phòng gồm 04 phòng chuyên môn; 01 ban kiểm soát nội bộ; 07 đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn 7 huyện, thành phố thực hiện quản lý điều tiết cung cấp nước phục vụ dân sinh kinh tế trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Ninh Thuận.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

---

Các Trạm thủy nông là đơn vị phụ thuộc Công ty, bao gồm:

**1. Trạm Thủy nông Ninh Phước**

- Địa chỉ: Khu phố 5, Thị trấn Phước Dân, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: 0001

**2. Trạm Thủy nông Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm**

- Địa chỉ: Số 28, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Mỹ Bình, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: 0002

**3. Trạm Thủy nông Thuận Bắc**

- Địa chỉ: Xã Lợi Hải, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: 0003

**4. Trạm Thủy nông Ninh Sơn**

- Địa chỉ: Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: 0004

**5. Trạm Thủy nông Ninh Hải**

- Địa chỉ: Thôn Gò Sạn, Xã Bắc Phong, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: 0005

**6. Trạm Thủy nông Bác Ái**

- Địa chỉ: Xã Phước Đại, Huyện Bác Ái, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: 0006

**7. Trạm Thủy nông Thuận Nam**

- Địa chỉ: Xã Phước Nam, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm: 0007

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

### **Hình thức sổ kế toán**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quý, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

---

### 3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp: Kế khai thường xuyên.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Riêng TSCĐ là các hệ thống công trình hồ, đập, kênh mương,..., Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

---

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc và thiết bị	7 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
- Tài sản cố định khác	4 - 10
- Các Công trình thủy lợi: Hồ đập, đê, kênh...	Không khấu hao

### 6. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### 7. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;

Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

### 8. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc nhà thầu nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.



## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

---

### 9. **Vốn chủ sở hữu**

#### ❖ **Vốn góp của chủ sở hữu**

Là số vốn đầu tư của Nhà nước.

#### ❖ **Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### ❖ **Trích lập các quỹ**

Các quỹ (Quỹ Đầu tư và Phát triển; Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi; Quỹ Khen thưởng Ban điều hành quản lý) được trích lập và sử dụng theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, Điều lệ, Quy chế tài chính của Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Quyết định của Chủ tịch Công ty hàng năm sau khi có Văn bản thống nhất thông qua phương án trích lập các quỹ của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

### 10. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

#### ❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu từ việc cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi gồm:**

Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được Nhà nước hỗ trợ là khoản doanh thu được ngân sách cấp hỗ trợ do việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích cho các đối tượng được thuộc diện được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt, quyết toán diện tích và kinh phí được dựa trên cơ sở nghiệm thu diện tích thực tế mà Công ty cung cấp nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hợp đồng tưới và nghiệm thu thanh lý diện tích.

Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thuộc diện không được Nhà nước hỗ trợ là khoản tiền thực tế đã thu được trong năm theo hợp đồng và thanh lý hợp đồng tưới nước phục vụ sản xuất nông nghiệp với các tổ chức hợp tác dùng nước không thuộc đối tượng được Nhà nước hỗ trợ.

## **CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

---

### **❖ Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác**

Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác là khoản tiền được khách hàng chấp nhận thanh toán từ việc cung cấp nước thô cho nhà máy nước sinh hoạt sản xuất nước sạch, các nhà máy sản xuất nước công nghiệp theo biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

### **❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể.
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

### **❖ Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **11. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## **12. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**13. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

ĐVT: Đồng

	Ngày 30/6/2021	Ngày 01/01/2021
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt tại quỹ	83.598.677	160.457.808
- Tiền gửi ngân hàng	1.272.856.351	5.369.139.865
<b>Cộng</b>	<b>1.356.455.028</b>	<b>5.529.597.673</b>
<b>2. Các khoản tương đương tiền</b>		
Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng và 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất dao động từ 3%/năm đến 4%/năm, nhận lãi khi đáo hạn, chi tiết như sau:		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ninh Thuận	9.000.000.000	8.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN TP PRTC	9.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ninh Thuận	8.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Ninh Thuận	-	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Ninh Thuận	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

- Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận (*)	-	2.542.409.000
- Công ty CP cấp nước Ninh Thuận	-	1.343.911.500
- Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	<del>616.500.000</del>	-
- Công ty CP H2O Ninh Thuận	169.148.700	-
- Các đối tượng khác	23.784.300	33.014.700
<b>Cộng</b>	<b>809.433.000</b>	<b>3.919.335.200</b>

(\*) Khoản tiền cấp bù do miễn thủy lợi phí nay gọi là kinh phí được hỗ trợ từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi công ích trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận do Ngân sách Trung ương cấp thông qua cơ quan đại diện quản lý tài chính tại địa phương là Sở Tài chính Tỉnh Ninh Thuận.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng An Nguyên	1.283.700.000	1.283.700.000
- Công ty TNHH Xây dựng Thiên Sinh	423.800.000	-
- Công ty TNHH TM và XD Tân Phát	383.884.615	-
- Công ty TNHH Thi công Xây dựng Đức Minh	381.910.500	8.442.500
- Công ty TNHH TM Khang Thịnh Ninh Thuận	381.249.100	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hoàng Nhân	353.900.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Trường Phát Arch	340.400.000	-
- Công ty TNHH XD và TM Cường Thịnh Phát Ninh Thuận	317.772.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Cường	339.600.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Hạnh Chung	334.600.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tre Xanh	330.855.924	-
- Công ty TNHH Ninh Phát	273.999.000	273.999.000
- Công ty TNHH Thăng Lợi	260.600.000	260.600.000
- Công ty TNHH TVXD Hưng Thịnh	237.727.642	237.727.642
- Các đối tượng khác	5.827.685.963	996.956.166
<b>Cộng</b>	<b>11.471.684.744</b>	<b>3.061.425.308</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

<b>5. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
- Tạm ứng của người lao động	20.800.000	64.140.000
- Tiền lương của người quản lý Công ty đã chi vượt so với quỹ lương được duyệt	-	70.570.215
- Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn	-	87.084.932
<b>Cộng</b>	<b>20.800.000</b>	<b>221.795.147</b>
<b>6. Hàng tồn kho</b>	<b>113.179.976</b>	<b>120.679.976</b>
Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ là nguyên vật liệu dùng sửa chữa, bảo trì công trình thủy lợi.		
<b>7. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Tại ngày 01/01/2021		61.790.701
- Tăng trong kỳ		15.640.000
- Phân bổ vào chi phí trong kỳ		(61.757.700)
- Tại ngày 30/6/2021		<b>15.673.001</b>
<b>8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
	<b>Ngày 30/6/2021</b>	<b>Ngày 01/01/2021</b>
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	81.966.700	-
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	20.248.016
- Lợi nhuận sau thuế tạm nộp ngân sách Nhà nước	1.368.294.936	668.294.936
<b>Cộng</b>	<b>1.450.261.636</b>	<b>688.542.952</b>
<b>9. Phải thu về cho vay dài hạn</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>

Khoản cho vay không tính lãi nhóm công nhân viên quản lý Kênh Chính Tây (đại diện là Ông La Xuân Thọ) để thực hiện dự án nuôi bò. Thời hạn vay là 24 tháng.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (**)	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá								
Tại ngày 01/01/2021		27.144.691.086	736.210.281	2.189.277.792	556.570.400	2.303.338.929.519	168.000.000	2.334.133.679.078
Mua trong kỳ		-	-	-	111.600.000	-	-	111.600.000
Đầu tư XDCB hoàn thành		-	-	-	-	1.594.409.150	-	1.594.409.150
Tặng khác (*)		-	-	-	-	60.551.118.235	-	60.551.118.235
Giảm khác (*)		-	-	-	-	(665.740.711)	-	(665.740.711)
Tại ngày 30/6/2021		27.144.691.086	736.210.281	2.189.277.792	668.170.400	2.364.818.716.193	168.000.000	2.395.725.065.752
Giá trị hao mòn								
Tại ngày 01/01/2021		11.162.378.349	446.972.188	2.189.277.792	401.975.957	51.211.197.927	65.875.000	65.477.677.213
Khấu hao trong kỳ		598.879.030	17.726.102	-	44.365.740	-	15.250.000	676.220.872
Tại ngày 30/6/2021		11.761.257.379	464.698.290	2.189.277.792	446.341.697	51.211.197.927	81.125.000	66.153.898.085
Giá trị còn lại								
Tại ngày 01/01/2021		15.982.312.737	289.238.093	-	154.594.443	2.252.127.731.592	102.125.000	2.268.656.001.865
Tại ngày 30/6/2021		15.383.433.707	271.511.991	-	221.828.703	2.313.607.518.266	86.875.000	2.329.571.167.667
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng								
Tại ngày 01/01/2021		380.113.798	300.252.855	2.189.277.792	217.200.400	-	38.000.000	3.124.844.845
Tại ngày 30/6/2021		588.931.339	300.252.855	2.189.277.792	379.870.400	-	38.000.000	3.496.332.386

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

- (\*) Trong kỳ, Công ty nhận bàn giao Dự án thành phần Hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất thôn Xóm Bằng theo Quyết định về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án thành phần Hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất thôn Xóm Bằng số 2389/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, giá trị phê duyệt quyết toán: 59.373.397.789 Đồng và nhận điều chuyển Hệ thống trạm bơm, khu tưới khu khai hoang Dê, Thỏ từ Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc theo Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc điều chuyển nguyên trạng tài sản Hệ thống trạm bơm, khu tưới khu khai hoang Dê, Thỏ của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc sang Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi quản lý, vận hành, giá trị nhận bàn giao: 1.177.720.466 Đồng.

Công ty ghi giảm nguyên giá công trình Hồ chứa nước Lanh Ra số tiền 665.740.711 Đồng theo Quyết định về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình Hồ chứa nước Lanh Ra số 738/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, đồng thời ghi giảm vốn chủ sở hữu tương ứng theo giá trị quyết toán.

- (\*\*) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là các hồ, đập, kênh thủy lợi, đê kè...do Nhà nước giao quản lý theo các Quyết định của UBND tỉnh Ninh Thuận. Những tài sản này được quản lý và tính hao mòn theo hướng dẫn tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.

	Ngày 30/6/2021	Ngày 01/01/2021
<b>11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	-	108.714.246
Các chi phí sửa chữa duy tu công trình thủy lợi chưa quyết toán.		
<b>12. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Tại ngày 01/01/2021		351.877.348
- Tăng trong kỳ		266.542.995
- Phân bổ vào chi phí trong kỳ		(165.461.888)
<b>Tại ngày 30/6/2021</b>		<b>452.958.455</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Ngày 30/6/2021	Ngày 01/01/2021
- Viện Đào tạo và Khoa học Ứng dụng Miền Trung	648.569.374	1.327.503.507
- Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận	696.753.766	680.659.080
- Công ty TNHH XD Thịnh Dũng	553.191.533	222.726.533
- Công ty TNHH Xây dựng Đức Nguyên Tài	374.457.107	906.143.636
- Công ty TNHH Kiểm toán Phương Đông	309.450.897	365.850.313
- Công ty TNHH TM và XD Tân Phát	-	837.841.385
- Chi nhánh Miền Trung - Công ty TNHH Tư vấn Trường Đại học Thủy Lợi	113.694.744	575.494.148
- Công ty TNHH Châu An	210.860.221	469.008.221
- Công ty TNHH XD và TM Thành Danh	265.171.000	255.396.000
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Sơn Trà	-	746.855.469
- Phùng Đình Thanh	77.896.593	591.252.000
- Công ty TNHH Phú Bình	114.461.143	410.325.454
- Công ty TNHH Long Vịnh	115.473.000	346.418.000
- Công ty TNHH Trường Thịnh Ninh Thuận	98.073.000	346.149.000
- Các đối tượng khác	1.255.023.461	9.547.971.482
<b>Cộng</b>	<b>4.833.075.839</b>	<b>17.629.594.228</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

**13.624.734.719**

Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận tạm ứng kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (Thuyết minh số VII.1).



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2021	Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30/6/2021
- Thuế Giá trị gia tăng	162.616.723	414.028.411	461.101.593	115.543.541
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.844.753	218.033.300	304.844.753	(81.966.700)
- Thuế Thu nhập cá nhân	(20.248.016)	48.431.480	27.484.584	698.880
- Thuế Tài nguyên	80.466.200	204.155.310	221.454.260	63.167.250
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	227.985.120	227.985.120	-
- Lợi nhuận còn lại phải nộp ngân sách Nhà nước	(668.294.936)	-	700.000.000	(1.368.294.936)
- Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>(440.615.276)</b>	<b>1.115.633.621</b>	<b>1.945.870.310</b>	<b>(1.270.851.965)</b>

**Trong đó**

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<b>247.927.676</b>			<b>179.409.671</b>
- Thuế nộp thừa (thuyết minh số V.8)	<b>(688.542.952)</b>			<b>(1.450.261.636)</b>

**Thuế Giá trị gia tăng**

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- + Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi : Không chịu thuế
- + Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác : 5%
- + Các hoạt động khác : 10%

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)**

Công ty được miễn thuế TNDN từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi bao gồm cả việc cung cấp cho các đối tượng được nhà nước hỗ trợ và không thuộc diện được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

---

Đối với thu nhập từ việc cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác là cung cấp nước thô cho các nhà máy sản xuất nước sạch và phục vụ cho sản xuất khác, Công ty thực hiện tính thuế TNDN theo quy định là 20%. Do không tách được chi phí từ việc cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác nên Công ty thực hiện phân bổ chi phí theo tiêu thức doanh thu đối với cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên Thu nhập tính thuế đối với các hoạt động khác.

### **Thuế Tài nguyên**

Thuế Tài nguyên được tính cho việc sử dụng nước thiên nhiên (nước mặt). Cách xác định thuế tài nguyên nước:

*Khối lượng nước sử dụng (m<sup>3</sup>) x Giá tính thuế x Thuế suất*

#### ❖ **Giá tính thuế tài nguyên**

Giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên là nước mặt (Áp dụng bảng quy định giá tối thiểu tính thuế tài nguyên theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận).

Nước dùng cho sản xuất nước sạch : 2.000 đồng/m<sup>3</sup>

Nước phục vụ sản xuất dùng cho các mục đích khác : 3.000 đồng/m<sup>3</sup>

#### ❖ **Thuế suất thuế tài nguyên**

Nước dùng cho sản xuất nước sạch : 1%

Nước phục vụ sản xuất dùng cho các mục đích khác : 3%

### **Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất phải nộp xác định theo Hợp đồng thuê đất số 17/K1//HĐ-TĐ ngày 28/11/2012 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Mục đích thuê : Làm trụ sở văn phòng Công ty

Địa điểm thuê : Phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm

Diện tích đất thuê : 4.317,9 m<sup>2</sup>

Thời gian sử dụng : 30 năm từ ngày 07/8/1999

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm.

Đơn giá thuê : 52.800 Đồng/m<sup>2</sup>/năm theo Thông báo số 2456/TB-CT ngày 11/5/2021 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận. Đơn giá thuê ổn định trong 5 năm (từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2025).

---

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**Thuế Thu nhập cá nhân**

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

**Các loại thuế khác**

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Ngày 30/6/2021	Ngày 01/01/2021
- Phí kiểm toán báo cáo tài chính	-	36.300.000
- Trích trước chi phí tu sửa công trình	7.011.549.827	1.834.907.332
<b>Cộng</b>	<b>7.011.549.827</b>	<b>1.871.207.332</b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

- Công ty TNHH Đầu tư XD MK Việt Nam (*)	-	163.800.000
- Công ty TNHH Khang Thịnh Ninh Thuận (*)	-	82.400.000
- Công ty TNHH An Nguyên (*)	-	40.600.000
- Hỗ trợ bồi thường do đường dây điện đi qua	85.483.800	85.483.800
- Thuế TNCN hoàn lại cho người lao động	-	22.393.419
<b>Cộng</b>	<b>85.483.800</b>	<b>394.677.219</b>

(\*) Chi phí bảo hành liên quan đến công trình đã thực hiện tu sửa được Công ty tạm giữ trong vòng 12 tháng, chưa thanh toán cho các đơn vị thi công.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**18. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi**

	Ngày 01/01/2021	Chi trong kỳ	Ngày 30/6/2021
- Quỹ Khen thưởng	864.272.091	(2.058.281.317)	(1.194.009.226)
- Quỹ Phúc lợi	984.333.823	(508.366.000)	475.967.823
- Quỹ khen thưởng Người quản lý	192.542.848	(94.077.576)	98.465.272
<b>Cộng</b>	<b>2.041.148.762</b>	<b>(2.660.724.893)</b>	<b>(619.576.131)</b>

Sau khi có Quyết định xếp loại doanh nghiệp của UBND tỉnh và văn bản thông qua phương án phân phối lợi nhuận, Công ty sẽ thực hiện phân phối lợi nhuận của năm 2020 vào các Quỹ để bù đắp các khoản chi trong 6 tháng đầu năm 2021.

**19. Vốn chủ sở hữu**

STT	Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30/06/2021
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.283.092.290.392</b>	<b>62.252.984.086</b>	<b>665.740.711</b>	<b>2.344.679.533.767</b>
19.1	Vốn góp của chủ sở hữu	2.272.026.317.216	60.551.118.235	665.740.711	2.331.911.694.740
19.2	Quỹ đầu tư phát triển	6.384.010.335	-	-	6.384.010.335
19.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.650.691.769	1.701.865.851	-	6.352.557.620
19.4	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	31.271.072	-	-	31.271.072
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>2.492.914.807</b>	<b>5.155.005.451</b>	<b>5.130.518.243</b>	<b>2.517.402.015</b>
19.5	Nguồn kinh phí	2.492.914.807	5.155.005.451	5.130.518.243	2.517.402.015
19.5.1	Chi sự nghiệp	(3.511.881.435)	-	(3.511.881.435)	-
19.5.2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	6.004.796.242	5.155.005.451	8.642.399.678	2.517.402.015
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.285.585.205.199</b>	<b>67.407.989.537</b>	<b>5.796.258.954</b>	<b>2.347.196.935.782</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

---

**19.1 Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tăng và giảm tương ứng với giá trị quyết toán những tài sản cố định được bàn giao từ Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (Thuyết minh V.10).

Công ty đang thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để quyết định điều chỉnh lại mức vốn điều lệ trên Giấy đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp như quy định tại Khoản 03, Điều 01, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018.

Công ty ghi giảm nguyên giá công trình Hồ chứa nước Lanh Ra số tiền 665.740.711 Đồng theo Quyết định về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình Hồ chứa nước Lanh Ra số 738/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, đồng thời ghi giảm vốn chủ sở hữu tương ứng theo giá trị quyết toán.

**19.5 Nguồn kinh phí**

**19.5.1 Chi sự nghiệp**

- Chi sự nghiệp tại ngày 01/01/2021	(3.511.881.435)
- Chi sự nghiệp phát sinh trong kỳ	3.511.881.435
+ Nạo vét kênh N1 và khai thông dòng chảy từ hồ Thành Sơn tiếp nước cho kênh Bắc, hệ thống thủy lợi Nha Trinh, Ninh Hải	986.149.135
+ Nạo vét đoạn dẫn Lâm Cẩm từ đầu tuyến đến thượng lưu Cầu Báo, hệ thống thủy lợi Lâm Cẩm.	574.758.230
+ Nạo vét và tu sửa vai phải đập Ma Rong - thuộc hệ thống kênh tiêu Suối Sa, Ninh Phước	620.318.393
+ Nạo vét kênh chính Nam cũ và kênh Muong Âm - hệ thống thủy lợi Nha Trinh, Ninh Phước	389.077.958
+ Nạo vét kênh Mân Mân đoạn từ hạ lưu quốc lộ 1A đến KC - hệ thống thủy sản Đầm Nai, huyện Ninh Hải	539.824.931
+ Nạo vét kênh Chà Là từ Cầu Đá Bạc cũ đến cuối tuyến TP. Phan Rang - Tháp Chàm	401.752.788
- Chi sự nghiệp tại ngày 30/6/2021	-

---

---

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**19.5.2 Nguồn kinh phí sự nghiệp**

Chi tiết số dư nguồn kinh phí sự nghiệp tại thời điểm 30/6/2021:

-	<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp được cấp</b>	<b>2.549.884.988</b>
+	<i>Gia cố, nâng cấp lênh L4 đoạn từ K0+00-K0+500 thuộc kênh Nam – hệ thống thủy lợi Nha Trinh</i>	367.633.459
+	<i>Gia cố đập, kè bảo vệ bờ phải đập Tuấn Tú để ngăn mặn phục vụ chống hạn vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã An Hải, huyện Ninh Phước</i>	1.608.233.778
+	<i>Gia cố, nâng cấp kênh Giảng đoạn K2+334 – K2 +630 thuộc kênh Chàm, hệ thống thủy lợi Nha Trinh</i>	313.347.704
+	<i>Gia cố, nâng cấp kênh L1 đoạn K2+058,3 – K2+266 thuộc kênh Nam – hệ thống thủy lợi Nha Trinh, huyện Ninh Phước</i>	260.670.047
-	<b>Nguồn kinh phí còn phải thanh toán sau phê duyệt quyết toán</b>	<b>(32.482.973)</b>
+	<i>Nạo vét kênh N1 và khai thông dòng chảy từ hồ Thành Sơn tiếp nước cho kênh Bắc, hệ thống thủy lợi Nha Trinh, Ninh Hải</i>	(8.136.998)
+	<i>Nạo vét đoạn dẫn Lâm Cẩm từ đầu tuyến đến thượng lưu Cầu Bảo, hệ thống thủy lợi Lâm Cẩm, TP.Phan Rang - Tháp Chàm</i>	(5.052.247)
+	<i>Nạo vét và tu sửa vai phải đập Ma Rong - thuộc hệ thống kênh tiêu Suối Sa, Ninh Phước</i>	(5.378.426)
+	<i>Nạo vét kênh chính Nam cũ và kênh Muong Âm - hệ thống thủy lợi Nha Trinh, Ninh Phước</i>	(3.358.936)
+	<i>Nạo vét kênh Mần Mần đoạn từ hạ lưu quốc lộ 1A đến KC - hệ thống thủy sản Đầm Nai, huyện Ninh Hải</i>	(4.579.447)
+	<i>Nạo vét kênh Chà Là từ Cầu Đá Bạc cũ đến cuối tuyến TPPR-TC</i>	(5.976.919)
-	<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp tại thời điểm 30/6/2021</b>	<b>2.517.402.015</b>



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

	ĐVT: Đồng	
	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
<b>20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu được ngân sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	25.375.265.281	22.900.000.000
- Doanh thu phải thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	205.502.332	204.478.596
- Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác	8.280.568.289	9.284.940.001
<b>Cộng</b>	<b>33.861.335.902</b>	<b>32.389.418.597</b>
<b>21. Giá vốn hàng bán</b>	<b>29.684.224.347</b>	<b>28.714.419.338</b>
Giá vốn cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi.		
<b>22. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>465.341.687</b>	<b>894.829.966</b>
Lãi tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại.		
<b>23. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	1.628.086.018	1.536.954.168
- Chi phí vật liệu quản lý	62.376.019	48.140.695
- Chi phí đồ dùng văn phòng	119.118.293	74.366.050
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	133.556.721	452.197.333
- Thuế, phí và lệ phí	247.277.520	126.620.888
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.392.256	166.356.588
- Chi phí bằng tiền khác	624.597.651	504.895.462
<b>Cộng</b>	<b>3.028.404.478</b>	<b>2.909.531.184</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**24. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Thu từ thanh lý tài sản	-	636.364
- Điều chỉnh giảm chi phí phải trả các công trình kỳ trước theo quyết định phê duyệt quyết toán	304.950.187	2.242.165
- Thu nhập khác	900.200	6.185.444
<b>Cộng</b>	<b>305.850.387</b>	<b>9.063.973</b>

**25. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.919.899.151	1.515.895.269
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	149.872.725	-
- Trừ (-) Thu nhập được miễn thuế (*)	(979.605.379)	(547.114.688)
- <b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>1.090.166.497</b>	<b>968.780.581</b>
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>218.033.300</b>	<b>193.756.116</b>

(\*) Thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (thuyết minh số V.15).

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các khoản kinh phí được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi**

Trong kỳ Công ty được Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận tạm ứng kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi **39.000.000.000** Đồng. Công ty thực hiện phân bổ doanh thu sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được ngân sách hỗ trợ ước tính 6 tháng đầu năm là 25.375.265.281 Đồng, số tiền còn lại là 13.624.734.719 Đồng được ghi nhận tại chỉ tiêu Người mua trả tiền trước ngắn hạn trên Bảng Cân đối kế toán.

**2. Ghi nhận doanh thu và chi phí trong báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm:**

Do Công ty cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp dựa trên mùa vụ gieo cấy của nông dân nên trong 6 tháng đầu năm 2021, Công ty căn cứ theo diện tích vụ Đông Xuân để ghi nhận doanh thu phát sinh từ dịch vụ cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi.



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đối với khoản thu từ dịch vụ thủy lợi khác, Công ty ghi nhận doanh thu dựa trên sản lượng nước cung cấp thực tế đến ngày 30/6/2021.

Trên cơ sở ước tính các khoản doanh thu, chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm dựa trên nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đối với khoản doanh thu phát sinh, Công ty cũng sẽ ghi nhận một khoản chi phí phát sinh cho phù hợp.

Dựa trên cơ sở ước tính doanh thu và chi phí thực hiện, Công ty ước tính chi phí tu sửa công trình phù hợp với tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm.

**3. Thông tin về quỹ tiền lương**

Việc xác định quỹ tiền lương của người quản lý và thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách Công ty căn cứ theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Tiền lương của người lao động thực hiện theo Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, ngày 16 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc phụ trách

Người đại diện theo pháp luật



Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước

Lê Phạm Hòa Bình

(\*) theo Quyết định số 64/QĐ-CTKTTL ngày 23/4/2021 của Chủ tịch Công ty.

